

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
THÁNG 5 NĂM 2020

Tháng 5 năm 2020, dịch bệnh Covid-19 đã lan rộng đến hầu hết các nước trên toàn thế giới và diễn biến hết sức phức tạp, làm hàng triệu người mắc, hàng trăm ngàn người tử vong, ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động kinh tế - xã hội trên phạm vi toàn cầu. Trong nước, nguy cơ bùng phát vẫn ở mức cao, tác động xấu đến các hoạt động kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân. Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh sau một thời gian “*giãn cách xã hội*”, các biện pháp hạn chế để phục vụ phòng, chống dịch đã được nói lỏng phù hợp với diễn biến dịch bệnh, các hoạt động kinh tế - xã hội dần được khôi phục. Tuy nhiên, từng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xã hội vẫn bị ảnh hưởng và gặp rất nhiều khó khăn, cụ thể như sau:

1. Sản xuất Nông, lâm nghiệp và thủy sản:

1.1 Nông nghiệp:

a) Trồng trọt:

+ **Gieo trồng vụ hè thu**, toàn tỉnh đến ngày 15/5/2020 được 36.665,8 ha, tăng 4,70% (+1.647,4 ha) so cùng kỳ, tập trung ở các cây trồng: lúa, bắp, cây có củ, cây rau đậu, hoa cây cảnh và cây mè, nhờ những cơn mưa đầu mùa tạo điều kiện xuống giống thuận lợi, mặt khác việc giá một số hàng nông sản tăng, cũng khiến tiến độ thu hoạch Đông xuân nhanh hơn, sớm giải phóng đất cho gieo trồng vụ mới. Ngoài ra, việc chuyển đổi cây trồng cũng tác động đến tiến độ xuống giống cây trồng; Riêng cây mía diện tích trồng mới vụ này giảm mạnh do tình hình giá xuống thấp so với những niên vụ trước đó, người trồng mía liên tục bị thua lỗ nên khi thu hoạch xong người trồng mía không trồng lại mà chuyển sang trồng cây trồng khác có hiệu quả hơn. Cụ thể, các cây trồng chính, như sau:

Diện tích lúa gieo trồng đạt 27.477 ha, tăng 5,13% (+1.340 ha) so cùng kỳ, nhờ thời tiết và thị trường đều thuận lợi, giá lúa tăng, những cơn mưa đầu mùa khá nặng hạt, cùng với việc chuyển đổi cây trồng, trong đó tăng nhiều chủ yếu ở các huyện: Châu Thành (+343,4 ha), Gò Dầu (+1.067 ha), Bến Cầu (+53,8 ha)....

Các cây hàng năm khác, đậu phộng đã trồng được 238 ha, giảm 6,73% (-17ha), chủ yếu do thời tiết trong tháng vẫn còn những đợt nắng nóng gay gắt người dân chưa dám mạnh dạn xuống giống; Cây bắp (Ngô) đạt 510 ha, tăng 33,67%, do một số diện tích chuyển đổi mục đích sản xuất, mặt khác tình hình thời tiết đã có những cơn mưa tạo điều kiện cho việc xuống giống cây trồng...; Diện tích rau, đậu, hoa cây cảnh xuống giống được 4.655 ha tăng 4,97% so cùng kỳ.

Đối với các cây trồng thu hoạch năm sau (mía, mì): cây mì, diện tích trồng mới 3.065 ha, tăng 2,08% (+62 ha), tập trung ở các huyện Tân Biên (+412,5 ha), Tân Châu (+147 ha), tuy cây mì vẫn bị ảnh hưởng của bệnh khảm lá, nhưng vẫn đem lại hiệu quả kinh tế nên người dân tiếp tục xuống giống trên diện tích mì đã thu hoạch xong và trên diện tích cao su đã thanh lý. Diện tích gieo trồng mì tăng do người dân xuống giống trên diện tích cây cao su thanh lý của nông trường và của người dân. Cây mía trồng mới trong vụ đạt 219 ha, so với cùng kỳ giảm 25,08% (-73 ha), diện tích giảm tập trung ở huyện Tân Biên (-64,9 ha), Tân Châu (-10,4 ha)... Chi tiết như bảng dưới đây:

Diện tích gieo trồng cây hàng năm

	Thực hiện cùng kỳ năm trước (Ha)	Thực hiện kỳ báo cáo (Ha)	So cùng kỳ (%)
1. DT Gieo trồng vụ Hè Thu:	35.018	36.666	104,70
* Trong đó: Cây lúa	26.136	27.477	105,13
Diện tích một số cây trồng khác			
- Ngô	382	510	133,67
- Mì (cây sắn)	3.003	3.068	102,08
- Mía	292	219	74,92
- Đậu phộng	255	238	93,27
- Rau, đậu, hoa cây cảnh các loại	4.435	4.655	104,97

+ **Thu hoạch vụ đông xuân** trên địa bàn tỉnh đã cơ bản xong, với 66.743 ha cây trồng các loại, bằng 98,21% tổng diện tích gieo trồng (không tính mía, mì), giảm 2,56% so với cùng kỳ do diện tích gieo trồng trong vụ đông xuân năm nay giảm so với chính thức vụ đông xuân năm trước. Trong đó cây lúa đã thu hoạch được 46.263 ha đạt 99,17% diện tích gieo trồng và giảm 4,3% so với năm trước, do diện tích gieo trồng năm nay giảm 3,55% (-1.717ha) so vụ đông xuân năm trước; Cây ngô thu hoạch 2.609 ha bằng 80,1% diện tích gieo trồng và giảm 2,7% so cùng kỳ, diện tích ngô năm nay cũng giảm (-109ha); Đậu phộng thu hoạch đạt 3.105 ha, đạt 94,23% diện tích gieo trồng ; Rau các loại thu hoạch 10.861 ha đạt 93,19% diện tích gieo trồng, và chỉ bằng 99,82% so cùng kỳ.

Thu hoạch cây trồng vụ trước: cây mì đạt 3.871 ha, giảm 2,47% (-98 ha) so với cùng kỳ, đây là diện tích mì thu hoạch của diện tích mì trồng mới vụ mùa 2019, còn diện tích của vụ Đông xuân 2018-2019 và mì vụ Hè thu 2019 đã thu hoạch xong; Cây mía diện tích đã thu hoạch 10.505 ha, giảm 28,39% (-4.164 ha) so cùng kỳ, đạt 97,95% diện tích gieo trồng chính thức vụ Đông xuân 2018-2019, do diện tích gieo trồng mía vụ Đông xuân năm 2018-2019 giảm 26,89% (-3.943,76 ha) so cùng kỳ.

Công tác bảo vệ thực vật: Tháng 5 , sâu bệnh phá hại phát sinh trên cây trồng, chủ yếu ở mức độ nhẹ và diện tích cũng ít hơn cùng kỳ. Tình hình dịch

khảm trên cây mì, trong tháng phát sinh 5.097,8 ha nhiễm mới, lũy kế đến tháng 5 là 38.722,4 ha, trong đó: 30.624,4 ha mức nhẹ; 7.917 ha mức trung bình; 181 ha với mức độ nhiễm nặng. Cụ thể ở từng huyện như sau: Thành phố Tây Ninh 1.445 ha, huyện Tân Biên 6.831 ha, Tân Châu 11.760,9 ha, Dương Minh Châu 7.186 ha, Châu Thành 10.199 ha, Thị xã Hoà Thành 337 ha, huyện Gò Dầu 34 ha, huyện Bến Cầu 909,5 ha và Thị xã Trảng Bàng 20 ha.

b) Chăn nuôi:

Trong tháng, tình hình giá cả sản phẩm chăn nuôi tương đối ổn định, một số mặt hàng có tăng, cụ thể: giá thịt lợn (heo) hơi vẫn giữ mức 70.000 đồng/kg (không tăng so với tháng trước); giá gà thịt hơi công nghiệp 23.000 đồng/kg (tăng 6.000 đồng/kg so với tháng trước); giá vịt thịt hơi 34.000 đồng/kg (tăng 4.000 đồng/kg so với tháng trước); giá thịt trâu hơi vẫn ổn định ở mức 80.000 đồng/kg, giá thịt bò hơi ở mức 84.000 đồng/kg (tăng 4.000 đồng/kg) so tháng trước.

Tình hình đàn súc hiện có: đàn trâu 10.455 con, giảm 18,82% (-2.424 con) so cùng kỳ; đàn bò 92.265 con, giảm 0,17% (-160 con), riêng bò sữa đạt 13.281 con, chiếm 14,40% tổng đàn bò của tỉnh, tăng 3,07% (+396 con) so với cùng kỳ, đàn bò sữa được nuôi và phát triển tập trung ở 2 huyện Bến Cầu và Trảng Bàng, do hiệu quả kinh tế nên đàn bò sữa vẫn được duy trì và phát triển.

Đàn lợn, hiện có 166,27 ngàn con giảm 14,90% (-29.108 con) so cùng kỳ, tuy giá thịt lợn hơi và lợn giống thực tế hiện rất cao so với giá thành nhưng do ảnh hưởng của tình hình dịch tả lợn Châu Phi để lại làm cho những hộ nuôi nhỏ lẻ không tái đàn và do yếu tố tâm lý làm cho người dân không còn mặn mà với hình thức chăn nuôi này. Còn hình thức nuôi lợn quy mô vừa và lớn cũng bị ảnh hưởng do dịch bệnh và chưa an tâm về biến động giá cả.

Đàn gia cầm phát triển mạnh, ước tính đạt 8,29 triệu con tăng 16,48% (+1.173,51 ngàn con), trong đó đàn gà đạt 7,638 triệu con, tăng 16,17% 23,59% (+1.457,75 ngàn con) so cùng kỳ, tăng chủ yếu do nhu cầu tiêu thụ của các địa phương khác tăng, mặt khác nhu cầu tiêu dùng của người dân địa phương cũng tăng nhằm thay thế thịt lợn khi giá thịt lợn quá cao so với giá thành sản xuất. Hiện nay giá thịt gà công nghiệp xuống thấp tác động tiêu cực đến tình hình phát triển chăn nuôi gia cầm.

Số lượng chăn nuôi gia súc, gia cầm

	Đơn vị tính	Chính thức CK năm 2019	Ước thực hiện kỳ báo cáo	So sánh cùng kỳ (%)
I. Gia súc				
1. Trâu	Con	12.879	10.455	81,18
2. Bò	Con	92.425	92.265	99,83
Trong đó: Bò sữa	Con	12.885	13.281	103,07
3. Lợn	Con	195.378	166.270	85,10
II. Gia cầm				
	1000con	7.119,25	8.292,76	116,48
Trong đó: Gà	1000con	6.180,82	7.638,57	123,59

Tình hình dịch bệnh: Trong tháng, không có dịch bệnh nguy hiểm xảy ra trên đàn gia súc, gia cầm, dịch tả lợn Châu Phi đã không còn xảy ra, các địa phương đã công bố hết dịch từ tháng 2 năm 2020. Các ngành chức năng tăng cường công tác kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ, kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y, công tác tiêu độc sát trùng, phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và quản lý cơ sở kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi trên địa bàn. Trong tháng các trạm chăn nuôi và thú y cùng các cơ sở thú y tổ chức tiêm phòng với số lượng 43.325 liều vắc xin các loại; bên cạnh đó công tác tiêu độc khử trùng đã thực hiện với diện tích 954.220 m² tại các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm 69.420 m² tại các cơ sở giết mổ, 2.360 m² tại các lò ấp.

1.2 Lâm nghiệp:

Phát triển rừng và sử dụng rừng: Hiện các đơn vị chủ rừng đang tiến hành rà soát lại quỹ đất chuẩn bị công tác trồng rừng năm 2020. Kế hoạch trồng rừng mới năm 2020 trên địa bàn tỉnh 210 ha, chăm sóc rừng trồng phòng hộ, rừng đặc dụng với diện tích 466 ha, các đơn vị chủ rừng đã triển khai thực hiện kế hoạch chăm sóc rừng trồng năm 2020.

Bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh tự nhiên: Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2020 với khối lượng: Bảo vệ 58.122 ha rừng hiện có, trong đó diện tích rừng tự nhiên là 45.421 ha, diện tích rừng trồng là 12.377 ha, trồng cỏ là 324 ha. Diện tích khoanh nuôi tái sinh tự nhiên toàn tỉnh là 1.197,8 ha, trong đó Dầu Tiếng 950 ha, Lò Gò - Xa Mát 224 ha, Núi Bà Đen 23,8 ha.

Về quản lý bảo vệ rừng, quản lý và khai thác lâm sản: Tổng diện tích đất quy hoạch rừng được điều chỉnh là 72.253,43 ha, trong đó rừng đặc dụng 31.650,38 ha, chiếm 43,8% diện tích đất quy hoạch rừng, rừng phòng hộ 30.174,56 ha, chiếm 41,8% diện tích đất quy hoạch rừng, rừng sản xuất 10.428,49 ha, chiếm 14,4% diện tích đất quy hoạch rừng, toàn bộ diện tích này được giao cho các Ban quản lý rừng, UBND các huyện và các đơn vị quản lý, sử dụng.

Trong tháng, trên địa bàn tỉnh xảy ra 5 vụ vi phạm quy định về Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, giảm 2 vụ so tháng trước, trong đó: Có 2 vụ tàng trữ lâm sản trái pháp luật tại ấp 3, xã Suối Ngô và Nông trường cao su Suối Ngô; 1 vụ hủy hoại rừng tại Khoảnh 2, Tiểu khu 50, ấp Trảng Trai, xã Tân Hoà với diện tích thiệt hại 4.587 m²; 1 vụ vi phạm quy định về mang dụng cụ, công cụ để khai thác gỗ và thực vật rừng ngoài gỗ vào rừng tại Khoảnh 04, tiểu khu 31, ấp Tân Nam, xã Tân Lập huyện Tân Biên.

Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng: Trong tháng trên địa bàn tỉnh xảy ra 1 vụ cháy rừng trồng với diện tích bị cháy là 2,39 ha. Luỹ kế từ đầu mùa khô đến nay trên địa bàn tỉnh xảy ra 12 vụ cháy rừng trồng diện tích 14,29 ha (mức độ thiệt hại cây rừng từ 30-70% cây sao, dầu, keo); 31 trường hợp cháy dưới tán rừng tự nhiên và rừng trồng, với diện tích 38,387 ha (so cùng kỳ năm 2019, tăng 09 vụ cháy rừng với diện tích tăng 4,99 ha, tăng 24 trường hợp cháy với diện tích 34,517 ha) do phát hiện sớm và kịp thời nên thiệt hại tài nguyên rừng là không đáng kể.

Nguyên nhân cháy rừng là do một số hộ dân sống gần rừng, trong rừng lên lút đốt, nhằm lấn chiếm đất rừng khi mùa mưa đến, sử dụng lửa để bắt ong trong

rừng; ngoài ra có một số đối tượng cố ý đốt phá hoại làm ảnh hưởng đến tài nguyên rừng, nhưng không phát hiện quả tang các đối tượng vi phạm.

1.3. Thủy sản:

Trong tháng, tình hình nuôi trồng và đánh bắt thủy sản gặp một số khó khăn do thời tiết diễn biến bất thường, tuy có một vài ngày mưa bất thường, nhưng nắng nóng vẫn còn gay gắt và dai dẳng, bên cạnh đó giá bán một số sản phẩm thủy sản vẫn giữ giá hoặc giảm, trong khi chi phí thức ăn cho nuôi trồng cao, giá xăng dầu trong tháng tăng nhẹ sau thời gian giảm giá, một số chi phí đánh bắt thủy sản khác cao ảnh hưởng đến nuôi trồng cũng như đánh bắt thủy sản, cụ thể như sau:

Về nuôi trồng thủy sản: Diện tích nuôi trồng thủy sản ước thực hiện đến tháng 5 năm 2020 được 267,92 ha, so với cùng kỳ bằng 99,69% (-0,84 ha), do một số tuyến kênh mương thuộc hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa tiến hành kiên cố hóa nhưng tiến độ chậm so với kế hoạch nên phần nào ảnh hưởng đến nguồn nước phục vụ diện tích nuôi trồng thủy sản, mặt khác trong những tháng đầu năm tình hình thời tiết nắng nóng gay gắt, tuy nhiên cũng có những cơn mưa tác động đến tình hình nuôi trồng thủy sản trong kỳ.

Về thể tích nuôi cá lồng, bè: Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng 5 thể tích lồng, bè thu hoạch được 4.680,83 m³, bằng 94,53% so với cùng kỳ (-270,83 m³). Thể tích lồng, bè trong 5 tháng đầu năm tiếp tục giảm do một số vùng nuôi cá lồng bè trên sông Vàm Cỏ Đông vẫn bị ô nhiễm nguồn nước làm cá chết, ảnh hưởng tới lợi nhuận của người nuôi, mặt khác do hình thức nuôi thủy sản lồng bè trên địa bàn tỉnh của một số hộ tương đối manh mún, không đầu tư nuôi trên diện tích rộng nên hiệu quả nuôi đem lại không cao, hiệu quả kinh tế không tương xứng nên người dân không còn mặn mà nữa, do vậy bên cạnh một số hộ nghỉ nuôi thì một số hộ đang nuôi cũng không dám mạnh dạn mở rộng quy mô nuôi, vì vậy nuôi cá lồng bè tiếp tục giảm theo xu hướng những năm gần đây

Sản xuất giống trong tháng, ước đạt 1,96 triệu con, lũy kế từ đầu năm được 34,26 triệu con, giảm 15,20% so với cùng kỳ (-6,14 triệu con), do diện tích thu hoạch giống giảm 9,78% (-1,1 ha) so cùng kỳ năm trước.

Sản lượng nuôi trồng thủy sản: Ước thực hiện tháng 5 được 801,08 tấn, lũy kế từ đầu năm đến tháng 5 được 3.176,78 tấn, tăng 0,56% so với cùng kỳ (+17,73 tấn). Sản lượng thủy sản nuôi trồng thu hoạch ước 5 tháng đầu năm vẫn duy trì so với cùng kỳ do diện tích thu hoạch thủy sản vẫn duy trì so cùng kỳ, chỉ giảm 0,31% (-0,84 ha) so cùng kỳ năm trước.

Sản lượng thủy sản đánh bắt: Ước thực hiện tháng 5 được 172,16 tấn, lũy kế đến tháng 5 được 921,66 tấn, giảm 2,28% so với cùng kỳ (-21,5 tấn), do số hộ đánh bắt cũng như số phương tiện tàu thuyền đánh bắt, sản lượng đánh bắt giảm chủ yếu là cá khác và các loại thủy sản khác.

2. Sản xuất Công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 5/2020 tăng 8,39% so tháng trước, chủ yếu do thời gian hoạt động của tháng 5 dài hơn vì tháng trước có thực hiện “giãn cách xã hội”, từ 01/4 đến 22/4/2020 để phòng chống sự lây lan của dịch

covid-19. Trong đó, tăng nhiều từ các ngành: Khai khoáng khác(+15,20%); Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (+32,38); Sản xuất trang phục (+25,01%); CN chế biến và chế tạo khác(+28,40%); Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (+17,09%); Một số ngành khác chỉ số tăng nhẹ, hoặc giảm so với tháng trước là : Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (+4,96%); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (-0,73%); ngành khai thác và cung cấp nước tăng nhẹ (+0,32%); Riêng ngành sản xuất chế biến thực phẩm giảm (-5,84%), so tháng trước.

Cộng dồn 05 tháng, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng (+4,0%)¹ so cùng kỳ, thấp hơn nhiều mức tăng của cùng kỳ một số năm gần đây. Trong đó, ngành khai khoáng (-13,07%); công nghiệp chế biến, chế tạo (+1,22%), trong đó chỉ có ngành dệt duy trì mức tăng khá (+17,08%), còn các ngành khác đều giảm: Sản xuất chế biến thực phẩm (-10,23%), sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm (-11,34%); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+2,28%); sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy (-2,92%), Sản xuất hoá chất và sản phẩm từ hoá chất (-4,66%); đối với các ngành công nghiệp khác: Sản xuất phân phối điện tăng (+148,09%); Khai thác, xử lý và cung cấp nước giảm (-0,83%).

Chỉ số phát triển công nghiệp và một số ngành chủ yếu

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 5/2020 so với tháng 4/2020	5 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ
Tổng số	108,39	104,0
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai khoáng	115,20	86,93
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	108,97	101,22
3. SX và phân phối điện, khí đốt, nước nóng.....	97,77	248,09
4. Cung cấp nước, hđ quản lý và xử lý rác thải...	106,85	99,17
Một số ngành công nghiệp chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	94,16	89,77
2. Dệt	99,45	117,07
3. Sản xuất trang phục	125,01	96,05
4. Sản xuất da và sản phẩm có liên quan	132,38	88,66
5. Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy	117,09	97,08
7. Sản phẩm từ cao su và plastic	99,27	102,28
8. Sản xuất SP từ khoáng phi kim loại khác	104,96	100,21
9. Sản xuất và phân phối điện	97,77	248,09
10. Khai thác, xử lý và cung cấp nước	100,32	109,01

¹ Năm tháng 2017 (+14,78%), 5 tháng 2018 (+14,89%) và 5 tháng 2019 (+15,53%).

Sản phẩm chủ yếu trên địa bàn tỉnh: 05 tháng đầu năm, chỉ số sản xuất nhiều sản phẩm giảm so cùng kỳ, cụ thể: Bột mì giảm (-12,2%); giày dép các loại giảm (-8,66%); Quần áo các loại giảm (-2,52%); Gạch các loại (-2,64%); nước đường các loại giảm (-3,99%); Cũng có một số sản phẩm sản xuất tăng so cùng kỳ như: xi măng tăng (+0,21%); Clanke poolan tăng (+16,68%), vỏ, ruột xe các loại tăng (+1,44%); điện thương phẩm tăng (+0,21%); Điện sản xuất tăng (+540,42%); nước máy sản xuất tăng (+8,71%).

Trước tác động của đại dịch Covid-19, nhìn chung tình hình sản xuất ở các doanh nghiệp đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Ở giai đoạn đầu, đa số các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ không có đủ nguyên liệu, không chủ động được nguyên liệu trong thời gian dài do không đủ nguồn vốn và chủ yếu là gia công nên nguyên liệu phụ thuộc nhiều vào khách hàng, nguồn nguyên liệu chỉ có thể đảm bảo nhiều nhất là trong vòng 01 tháng, thiếu nguyên liệu sản xuất, đơn hàng bị hủy nên buộc một số doanh nghiệp phải tạm ngừng hoạt động; số doanh nghiệp còn lại còn đơn hàng nhưng nguồn nguyên liệu không đảm bảo phải cắt giảm lao động, không tăng ca, thậm chí giảm giờ làm hoặc cho nghỉ việc luân phiên, nghỉ phép năm để đảm bảo ai cũng có thu nhập. Đến giai đoạn hiện tại, không chỉ các doanh nghiệp nhỏ mà cả những doanh nghiệp lớn mặc dù chủ động được nguồn nguyên liệu cũng đang đứng trước nhiều khó khăn ở khâu xuất hàng, một số trường hợp hàng xuất đi khách hàng từ chối không nhận, một số khác thì hàng đã làm nhưng khách hàng lại hủy hợp đồng....

Chính vì những khó khăn nêu trên nên mặc dù chúng ta đã và đang thiết lập một trạng thái mới để vừa phát triển kinh tế vừa chống dịch hiệu quả nhưng hoạt động sản xuất vẫn chưa thể chuyển biến tích cực ngay, vì dù nước ta đã kiểm soát tốt, nhưng tình hình dịch bệnh trên thế giới vẫn còn diễn biến phức tạp nên hoạt động thương mại quốc tế vẫn chưa được thông suốt.

3. Vốn đầu tư phát triển:

Vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước tháng 5/2020 đạt 237,9 tỷ đồng, tăng 13,28% so tháng trước. Bao gồm vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh đạt 196,42 tỷ đồng (+14,09%); ngân sách cấp huyện đạt 41,3 tỷ đồng (+9,03%); Ngân sách cấp xã cũng mới triển khai tháng này đạt 215 triệu đồng. Một số công trình tăng khá như: Nâng cấp, mở rộng ĐT.782 - ĐT.784 (đoạn từ tuyến tránh QL22 đến ngã tư Tân Bình) 35 tỷ đồng, tăng 18,44%; Nâng cấp, mở rộng ĐT.793 -ĐT.792 (đoạn từ ngã tư Tân Bình đến cửa khẩu Chàng Riệc) 24,69 tỷ đồng, tăng 29,09%; Dự án phát triển các đô thị hành lang tiểu vùng sông MeKong mở rộng tại Mộc Bài tỉnh Tây Ninh 15,69 tỷ đồng, tăng 44,06%; Bệnh viện phục hồi chức năng 10,03 tỷ đồng, tăng 472,68%....

Cộng dồn 5 tháng, vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý đạt 970,09 tỷ đồng, mới đạt 20,99% kế hoạch năm, và tăng 7,45% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn ngân sách cấp tỉnh đạt 799,45 tỷ đồng, đạt 23,69% kế hoạch năm và tăng 7,65%, chủ yếu từ nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh đạt 186,44 tỷ, tăng 13,64% và nguồn vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu đạt 77,72 tỷ, tăng 21,8% so cùng kỳ; vốn ngân sách cấp huyện đạt

170,42 tỷ đồng, đạt 13,70% kế hoạch và tăng 6,4% so cùng kỳ; Riêng nguồn ngân sách cấp xã mới phát sinh tháng này đạt 215 triệu đồng.

4. Giao thông vận tải:

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải trong tháng 05/2020 ước đạt 199,16 tỷ đồng (chủ yếu là kinh tế ngoài nhà nước), tăng 33,79% so tháng trước, trong đó: Vận tải hành khách đạt 49,74 tỷ đồng, tăng 114,46%; vận tải hàng hóa đạt 144,79 tỷ đồng, tăng 18,86% so với tháng trước, nguyên nhân tăng cao so với tháng trước chủ yếu nhu cầu vận tải hành khách và hàng hoá tăng lên sau tháng thực hiện “*giãn cách xã hội*”. Cộng dồn 05 tháng đầu năm doanh thu đạt 1.046 tỷ đồng, so với cùng kỳ giảm 9,72%, trong đó: doanh thu vận chuyển hành khách đạt 294,69 tỷ đồng giảm 12,93%, doanh thu vận chuyển hàng hóa đạt 727,83 tỷ đồng giảm 8,64% và doanh thu hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 23,76 tỷ đồng chỉ bằng 99,54% so với 5 tháng năm 2019.

Khối lượng vận tải hành khách tháng 05/2020 ước tính đạt 1.129 nghìn lượt khách, tăng 104,9% và luân chuyển 95.229 nghìn lượt khách.km, cũng tăng tương ứng 120,49% so tháng trước. Lũy kế 5 tháng đầu năm, vận tải hành khách trên địa bàn đạt 6.354 nghìn lượt khách, giảm 15,64% và luân chuyển được 486.408 nghìn lượt khách.km, cũng giảm tương ứng 13,43% so cùng kỳ năm trước.

Vận tải hàng hóa tháng 5/2020 ước đạt khối lượng 1.125 nghìn tấn, tăng 20,43% và luân chuyển được 85.378 nghìn tấn.km, tăng 16,69% so tháng trước. Cộng dồn 5 tháng, vận chuyển hàng hóa ước đạt khối lượng 5.748 nghìn tấn, giảm 8,47% và luân chuyển được 432.436 nghìn tấn.km, cũng giảm 9,79% so cùng kỳ.

5. Thương mại dịch vụ:

a) Hoạt động thương mại bán lẻ hàng hoá:

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh tháng 05/2020 ước đạt 5.054 tỷ đồng, tăng 22,21% so tháng trước, tăng 0,45% so tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó nhóm hàng lương thực thực phẩm chiếm tỉ trọng cao nhất, cũng là nhóm mặt hàng thiết yếu “không thể không mua” tăng 7,76% so tháng trước và tăng 0,91% so tháng cùng kỳ năm trước; nhóm gỗ và vật liệu xây dựng, tăng 38,75%; nhóm bán lẻ xăng dầu các loại tăng 25,27% do nhu cầu đi lại tăng sau thời gian nghỉ giãn cách xã hội nhưng lại giảm 0,41% so tháng cùng kỳ; nhóm bán lẻ đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 19,36% và do giá vàng liên tục tăng.

Cộng dồn từ đầu năm, tổng mức bán lẻ trên địa bàn ước đạt 24.415,7 tỷ đồng, giảm 1,55% so cùng kỳ. Trong đó một số nhóm, doanh số giảm mạnh, là: bán lẻ ô tô loại 9 chỗ ngồi trở xuống (loại mới và đã qua sử dụng) giảm 19,46%; bán lẻ hàng hóa khác giảm 13,78%; doanh thu dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy giảm 12,75%. Nhìn chung doanh thu bán lẻ hàng hóa của hầu hết các nhóm ngành hàng đều giảm do cùng kỳ do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

b) Hoạt động dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành:

Doanh thu dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành trên địa bàn tỉnh tháng 05/2020 ước đạt 1.334 tỷ đồng, tăng 220,26% so tháng trước, chủ yếu do

tháng này đã dỡ bỏ lệnh “*giãn cách xã hội*”, một số hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống đã hoạt động trở lại.... Riêng hoạt động xổ số tăng vì trong tháng 4/2020 Công ty TNHH Xổ số Kiến Thiết Tây Ninh chỉ phát hành 01 kỳ vé số vào ngày cuối tháng còn tháng 05/2020 dự kiến sẽ phát hành đủ 04 kỳ.

Luỹ kế 5 tháng đầu năm, doanh thu hoạt động dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành đạt 6.084 tỷ đồng giảm 9% so cùng kỳ, trong đó doanh thu dịch vụ ăn uống đạt 3.310 tỷ đồng giảm 17,18%, dịch vụ lưu trú đạt 61,03 tỷ đồng giảm 23,13% và dịch vụ khác đạt 2.712 tỷ đồng cũng còn giảm 9,27% so cùng kỳ.

6. Tình hình biến động giá tiêu dùng, giá vàng và Đô la Mỹ:

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 5 năm 2020 tăng 0,03% so với tháng trước; tăng 0,27% so với cùng kỳ và giảm 2,72% so với tháng 12 năm trước; so bình quân cùng kỳ năm 2019 CPI tăng 2,51%.

Trong các nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng, có 8 nhóm tăng với mức tăng như sau: hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,18%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,18%; may mặc mũ nón giày dép tăng 0,23%; nhà ở điện nước chất đốt và VLXD tăng 1,95%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,02%; bưu chính viễn thông tăng 0,01%; văn hoá giải trí du lịch tăng 0,19%; hàng hoá và dịch vụ khác tăng 0,31%. Nhóm có chỉ số giá ổn định là thuốc và dịch vụ y tế; bưu chính viễn thông ; giáo dục; riêng nhóm giao thông giảm 2,49%.

CPI tháng này tăng chủ yếu do các dịch vụ ăn uống, văn hoá giải trí mua sắm dần được khôi phục sau thời gian cách ly xã hội do ảnh hưởng dịch Covid-19.

Giá bán các mặt hàng, nhóm hàng trong tháng biến động, cụ thể như sau:

Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,18%), trong đó: Chỉ số giá nhóm hàng lương thực giảm 0,57% so tháng trước chủ yếu là gạo giảm 0,7% như gạo tẻ thường giảm 0,76%, gạo tẻ ngon giảm 0,34%, gạo nếp giảm 0,82% do vụ Đông xuân đang thu hoạch sản lượng gạo địa phương nhiều nên giá gạo các loại giảm so tháng trước; sắn giảm 2,85%; miến giảm 1,27%.

Nhóm thực phẩm tăng 0,46% so tháng trước, nhóm này tăng chủ yếu do Nhóm thịt gia súc tươi sống tăng 2,12% cụ thể là thịt heo tăng 2,71%, do khan hiếm nguồn cung, thịt bò tăng 0,11%, nội tạng động vật tăng 0,55%. Ngoài ra nhóm gia cầm tươi sống cũng tăng 0,48% cụ thể là thịt gà tăng 0,51%, gia cầm khác tăng 0,22% do nhu cầu tiêu thụ có phần tăng lên do học sinh sinh viên đã trở lại trường. Cá tươi tăng 0,16%, tôm tươi tăng 2,65%, thủy hải sản tăng 3,88%, thủy sản chế biến tăng 0,15% do các nhu cầu ăn uống tiêu thụ thủy hải sản của người dân có phần tăng trở lại so với tháng trước làm cho cung không đủ cầu, đẩy giá mặt hàng này tăng lên. Lạc và vừng tăng 0,34%. Nhóm quả tươi chế biến giảm 2,49% chủ yếu là do quả có múi giảm 2,99% do thời tiết thuận lợi sản lượng dồi dào, cung vượt cầu nên giá có xu hướng giảm.

Mặt khác, nhóm rau tươi, khô và chế biến giảm 0,18% như bắp cải giảm 2,54%, rau muống giảm 1,89% , đỗ quả tươi giảm 2,28%, rau tươi khác giảm 1,01%, rau khô các loại giảm 0,18%...nguyên nhân do nguồn cung ở các tỉnh khác chuyển về đã dần được khôi phục sau thời gian cách ly toàn xã hội, các phương

tiện vận chuyên được hoạt động trở lại, nguồn cung dồi dào làm cho giá rau củ quả giảm nhẹ.

Nhóm ăn uống ngoài gia đình tháng này giữ ổn định so tháng trước do các hàng quán mở cửa trở lại sau một thời gian đóng cửa thực hiện cách ly xã hội.

Nhóm Đồ uống và thuốc lá tăng 0,18% so tháng trước do nhóm rượu mạnh tăng 2,6% so tháng trước do các chi phí đầu vào tăng lên.

May mặc mũ nón giày dép: Nhóm này tăng 0,23% chủ yếu ở quần áo trẻ em tăng 1,21% do học sinh đã trở lại trường sau thời gian dài tạm nghỉ do dịch Covid 19 nên nhu cầu mua sắm quần áo có phần tăng lên.

Nhà ở điện nước, chất đốt và VLXD : Nhóm này tăng 1,95% so tháng trước do nhóm vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,32% chủ yếu do giá cát xây dựng tăng. Giá điện sinh hoạt tăng 3,95% do thời tiết nắng nóng nên nhu cầu sử dụng điện tăng lên. Giá gas tăng 13,05% so tháng trước tương đương tăng 34.000 đ/bình 12 kg. Tuy nhiên giá dầu hoả được điều chỉnh giảm 10,59%

Thiết bị và đồ dùng gia đình : Nhóm này tăng 0,02% so tháng trước chủ yếu là quạt điện tăng 2,23%, sửa chữa máy điều hoà nhiệt độ tăng 6,65% do tháng này bước vào cao điểm nắng nóng, nhu cầu sử dụng, sửa chữa máy quạt, máy lạnh để làm mát tăng cao.

Bưu chính viễn thông: Nhóm này tăng 0,01% chủ yếu do máy điện thoại cố định tăng 3,14% so tháng trước.

Văn hoá giải trí và du lịch: Nhóm này tăng 0,19% so với tháng trước do nhóm chụp in tráng ảnh tăng 9,07%; hoa tươi tăng 0,35% do nhu cầu tăng trở lại dùng cho các nhà hàng khách sạn, các điểm kinh doanh du lịch vì dịp này nhiều đơn vị tổ chức Đại hội Đảng các cấp.

Hàng hoá và dịch vụ khác: tăng 0,31% so tháng trước ở nhóm hàng chăm sóc cơ thể tăng 1,55%, túi xách va ly tăng 1,69% do nhu cầu mua sắm làm đẹp tăng trở lại, đồ trang sức tăng 2,4%.

Giao thông (- 2,49%): Nhóm này giảm 2,49% so tháng trước do tại kỳ điều hành giá Liên Bộ Công Thương - Tài chính quyết định điều chỉnh giá xăng dầu trong kỳ điều hành vào ngày 13/5/2020 làm cho chỉ số giá của nhóm này giảm xuống, cụ thể: nhóm xăng, dầu diezen giảm 5,01% so với tháng trước.

***Giá vàng và Đô la Mỹ:** Do ảnh hưởng biến động giá vàng trên thế giới, nên chỉ số giá vàng trên địa bàn tỉnh tăng 2,85% so với tháng trước và tăng đến 22,95% so với bình quân cùng kỳ năm trước; giá vàng 99,99 bình quân hiện ở mức 4.516.000 đồng/chỉ. Chỉ số giá đô la Mỹ giảm 0,46% so với tháng trước và tăng 0,49% so với bình quân cùng kỳ năm trước; giá đô la Mỹ bình quân hiện ở mức 23.515,66 đồng/USD.

7. Thu chi ngân sách:

a) Thu ngân sách:

Ước tổng thu ngân sách trên địa bàn tháng 5/2020 đạt 510 tỷ đồng, cộng dồn 5 tháng được 4.515 tỷ đồng bằng 45,15% dự toán. tăng 1,22% so cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa 4.188 tỷ đồng, đạt 45,28% dự toán, tăng 18,76% so cùng kỳ.

Trong 5 tháng đầu năm, nhiều khoản thu đạt khá so với dự toán và cùng kỳ năm trước như: Thu từ doanh nghiệp có vốn ĐTNN đạt 478,4 tỷ bằng 56,22% dự toán và tăng (+64,03%), thu từ thuế thu nhập cá nhân 419 tỷ tăng (20,47%), thu tiền sử dụng đất 290 tỷ tăng (+97,98%), thu tiền thuê đất 167 tỷ tăng (+103,72%); thu từ hoạt động xổ số 1.015 tỷ bằng 59,72% dự toán và tăng (+4,61%) so với cùng kỳ. Bên cạnh đó do ảnh hưởng của dịch Covid-19, cũng có một số khoản thu đạt thấp và giảm so với cùng kỳ như: thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 666 tỷ đồng, bằng 36,0% dự toán, giảm (-6,51%) so cùng kỳ; thu từ doanh nghiệp Nhà nước 157,8 tỷ bằng 29,72% dự toán, giảm (-34,84%); thu lệ phí trước bạ giảm (-13,51%); thuế bảo vệ môi trường (-2,88%). Riêng thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu ước 5 tháng ước đạt 326,7 tỷ bằng 43,57 dự toán năm và giảm 65,01% so cùng kỳ, do năm trước có nhập khẩu các thiết bị, linh kiện phục vụ các dự án năng lượng mặt trời, năm nay không có và lại ảnh hưởng của dịch covid-19 từ đầu năm nay hoạt động xuất nhập khẩu giảm hẳn.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

	Năm 2020 (tỷ đồng)		% thực hiện 05 tháng năm 2020 so với	
	Dự toán	Ước TH 05 tháng	Dự Toán	Cùng kỳ năm 2019
Tổng thu	10.000	4.515	45,15	101,22
I. Thu nội địa	9.250	4.188	45,28	118,76
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	531	157,8	29,72	65,16
2. DN có vốn đầu tư nước ngoài	851	478,4	56,22	164,03
3. Khu vực CTN và DV ngoài nhà nước	1.850	665,9	36,00	93,49
4. Hoạt động xổ số	1.700	1.015,2	59,72	104,61
II. Thu từ hoạt động XNK	750	326,7	43,57	34,99

b) Chi ngân sách:

Chi ngân sách tháng 5/2020 ước đạt 829,6 tỷ đồng, lũy kế 05 tháng đầu năm đạt 4.139 tỷ đồng bằng 37,21% dự toán, tăng 25,24% so cùng kỳ, trong đó chi thường xuyên với 1.978 tỷ đồng bằng 33,23% dự toán, tăng 11,82% so cùng kỳ; trong đó có một số khoản chi đạt khá cao so với dự toán và tăng so cùng kỳ, như: Chi sự nghiệp Giáo dục và đào tạo đạt 786 tỷ bằng 33,13% dự toán và tăng 7,35%; chi đảm bảo xã hội 203,3 tỷ bằng 65,84% dự toán và tăng 34,37%; chi quản lý hành chính 386,4 tỷ đạt 34,0% dự toán và tăng 9,42%; Riêng chi đầu tư phát triển 1.504 tỷ đồng bằng 45,69% dự toán cả năm và tăng 44,82%; chi các chương trình mục tiêu đạt 637,8 tỉ đạt 67,27% dự toán và cũng tăng 31,62% so cùng kỳ.

Chi ngân sách nhà nước địa phương

	Năm 2019 (tỷ đồng)		% thực hiện 05 tháng năm 2019 so với	
	Dự toán	Ước TH 05 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2018
Tổng chi	11.123	4.139	37,21	125,24
I. Chi cân đối NSDP	10.175	3.501	34,41	124,14
Trong đó:				
1. Chi đầu tư phát triển	3.293	1.504	45,69	144,82
2. Chi thường xuyên	5.952	1.978	33,23	111,82
Trong đó:				
+ Sự nghiệp kinh tế	911,8	215,1	23,59	92,54
+ Sự nghiệp giáo dục đào tạo dạy nghề	2.372	786,1	33,13	107,35
+ Sự nghiệp y tế	480,2	135,5	28,23	129,30
+ Quản lý hành chính	1.116,8	386,4	34,60	109,42
II. Chi chương trình MTQG	948,1	637,8	67,27	231,62

7. Hoạt động ngân hàng:

Tháng 5 hoạt động của các chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa tỉnh tiếp tục tập trung tháo gỡ khó khăn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, triển khai các giải pháp hỗ trợ khách hàng do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-2019, hoạt động cho huy động vốn và cho vay đều trầm lắng hơn so với những tháng cuối năm 2019, cụ thể như sau:

Tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn tỉnh đến cuối tháng 05/2020 ước đạt 44.053 tỷ đồng, so với tháng trước giảm 0,18% . Trong đó vốn huy động trung và dài hạn (trên 12 tháng) đạt 12.798 tỷ đồng (*Chiếm 29% tổng số*) giảm 4,48% so tháng trước, và giảm 12,9% so với cuối năm 2019.

Hoạt động cho vay: Tổng dư nợ tín dụng đến cuối tháng 5 ước đạt 60.957 tỷ đồng, tăng 1,27% so tháng trước. Trong đó dư nợ ngắn hạn 35.422 tỷ chiếm 58,1% tổng số. Nợ xấu 255 tỷ đồng chiếm 0,42% so với tổng dư nợ tăng (+1,69%) so với tháng trước.

Dư nợ cho vay theo chương trình tín dụng ưu đãi ngắn hạn 18.071 tỷ, tăng 2,75% so với tháng trước và tăng 6,55% so với cuối năm 2019, trong đó cho vay nông nghiệp nông thôn 8.221 tỷ, cho vay xuất khẩu 3.506 tỷ và cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ 5.138 tỷ.

8. Tình hình văn xã:**a) Lao động, dạy nghề và giải quyết việc làm:**

Trong tháng 5/2020, thông qua các phiên giao dịch việc làm, đã tư vấn việc làm và học nghề cho 1.797 lao động; giới thiệu cung ứng lao động trong nước cho 09 lao động. Lũy kế 5 tháng đã tư vấn việc làm cho 10.031 lao động và cung ứng 179 lao động trong nước, các tổ chức đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lũy kế 05 tháng giải quyết được 237 lao động.

Trong tháng đã cấp mới và cấp lại giấy phép lao động cho 97 lao động là người nước ngoài làm việc tại tỉnh. Lũy kế từ đầu năm, cấp mới và cấp lại cho 536 lao động. Tỉnh đã chấp thuận cho 119 doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng 1.890 lao động là người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh.

Công tác dạy nghề: Trong tháng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp tục tuyển sinh được 396 người (sơ cấp, đào tạo thường xuyên). Số sinh viên, học viên tốt nghiệp 336 người (Sơ cấp và đào tạo thường xuyên 336 người). Lưu lượng đang đào tạo: 5.037 người (Cao đẳng: 660, Trung cấp: 2.437 người, Sơ cấp và đào tạo thường xuyên: 1.940 người).

Triển khai hỗ trợ kịp thời gói hỗ trợ do ảnh hưởng của dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ cho 7.046 người có công, số tiền hỗ trợ 10.511 triệu đồng, và cho 43.981 đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn Trung ương với số tiền hỗ trợ 57.623,05 triệu đồng.

Về đình công, lãn công: trong tháng trên địa bàn tỉnh không xảy ra vụ nào, còn lũy kế 05 tháng, đã xảy ra 04 vụ, tại 04 doanh nghiệp.

b) Hoạt động y tế:

Bệnh Viêm đường hô hấp cấp COVID-19: Cập nhật đến ngày 17/5/2020 toàn tỉnh, cách ly tại cơ sở y tế: 161 người, cách ly tập trung: 312 người, ngoài ra cách ly tại nhà, nơi lưu trú 148 người; Cách ly tại nhà, nơi lưu trú đã qua 14 ngày: 4.177 người.

Tính đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ghi nhận 4 trường hợp nhiễm SARS-COV-2 (bệnh nhân 117, 118, 252, 315). Đã điều trị khỏi 3/4 trường hợp. Bệnh nhân 315 hiện tại sức khỏe ổn định, 18 trường hợp F2 tiếp xúc gần các bệnh nhân (F1) đang được cách ly theo dõi, sức khỏe ổn định.

Bệnh nhân số 315 sinh sống ở Biển Hồ - SiemReap (CPC) tại khu nhà trên sông, với nghề đánh bắt cá. Ngày 02/5/2020 bệnh nhân bắt xe khách đi từ SiemReap đến TàPeng (Campuchia); từ đây bắt xe ôm của Campuchia đến biên giới, lén lút tránh sự kiểm soát, tuần tra các chốt/trạm Biên phòng và lực lượng chức năng khác để vào Việt Nam. Sau đó bắt xe ôm của Việt Nam về ấp Tân Đông, xã Tân Thành(nhà của di bệnh nhân). Lúc 15g30 cùng ngày bệnh nhân về tới, người nhà của bệnh nhân đưa đến Công an xã trình diện. Các cơ quan chức năng tiến hành khai thác hành trình, lập thủ tục cách ly bệnh nhân ngay trong đêm 02/5/2020. Ngày 05/5/2020 kết quả xét nghiệm SARS-COV-2 âm tính. Đến 15/5/2020 kết quả xét nghiệm đầu ra cách ly cho kết quả dương tính.

Số ca mắc mới bệnh tay chân miệng trong tháng, trên địa bàn tỉnh ghi nhận có 05 ca tăng 04 ca so với tháng trước và giảm 52,86% so với cùng kỳ. Huyện có số ca mắc mới trong tháng là: Trảng Bàng 02 ca Châu Thành 02 ca; Bến Cầu 01 ca. Trong tháng không có ca tử vong. Tổng số ca cộng dồn từ đầu năm 34ca giảm 81,91% so với cùng kỳ năm 2019 (188 ca).

Số ca sốt xuất huyết trong tháng phát sinh 14 ca giảm 51,72% so với tháng trước. Cộng dồn từ đầu năm 275 ca, giảm 87,39% so cùng kỳ năm 2019 (111 ca), không có ca tử vong. Nhìn chung trong tháng không có dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn tỉnh.

Công tác hoạt động khám chữa bệnh: Tổng số lượt khám bệnh trong tháng là: 84.954 lượt giảm 36,87% so với tháng trước (134.569 lượt) giảm 48,71% so với cùng kỳ (165.623 lượt); Tổng số bệnh nhân nội trú trong tháng 8.455 lượt giảm 15,58% so với tháng trước (10.015 lượt) và giảm 38,40% so với cùng kỳ (13.725 lượt). Tổng số ngày điều trị nội trú trong tháng: 31.265 lượt giảm 26,08 % so với tháng trước (42.298 lượt) và giảm 38,91 so với cùng kỳ (51.176 lượt). Công suất sử dụng giường trong tháng đạt 59,55%. Cơ cấu bệnh tật không có biến động lớn.

c) An toàn giao thông:

Trong tháng 5/2020 (từ ngày 16/4/2020-15/5/2020) trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 12 vụ² tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 04 người và bị thương 08 người. So với tháng cùng kỳ năm 2019 tăng 02 vụ, số người chết tăng 02 người và số người bị thương giảm 01 người. Cộng dồn 5 tháng đầu năm 2020 đã xảy ra 46 vụ tai nạn giao thông, làm chết 18 người, và 35 người bị thương, so với cùng kỳ năm trước đều giảm về cả 03 tiêu chí: số vụ giảm (-03vụ), số người chết giảm (-01 người) và số người bị thương cũng giảm (-13 người). Nguyên nhân chủ yếu của các vụ tai nạn là do người điều khiển xe vi phạm về nồng độ cồn, chạy quá tốc độ, chuyển hướng thiếu quan sát, đi ngược chiều, hoặc vượt đèn đỏ....

d) Hoạt động văn hoá:

Trong tháng 5/2020, tiếp tục thực hiện hiện tuyên truyền phòng chống Covid-19; Kỷ niệm 45 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; Kỷ niệm 45 năm giải phóng Tây Ninh (30/4/1975-30/4/2020)³. Cùng với Sở Tư Pháp tỉnh thực hiện công tác tuyên truyền các mức phạt về hành vi vi phạm quy định phòng, chống dịch Covid-19: 02 cụm pano (2m x 3m x 06 tấm), 05 buổi xe loa⁴.

Hoạt động thư viện: Trong tháng bổ sung: sách 462 bản/ 196 tên sách; báo, tạp chí 1.176 tờ / 200 loại. Tổng số lượt bạn đọc 3.094 lượt (Cổng thông tin Thư

² So với tháng trước tăng cả 03 tiêu chí: số vụ tăng(+01 vụ), số người chết tăng (+01 người) và số người bị thương cũng tăng (+02 người).

³ 35 cụm tranh cô động, 03 tấm pano, 10 tấm băng rôn, 1.100 tấm phướn, 420 cờ các loại, 172 tấm khẩu hiệu, 18 buổi xe loa, 60 đĩa CD tuyên truyền, 15 đĩa CD mẫu pano.

⁴ Hệ thống TTVHTT-TT huyện-thành phố thực hiện: 199m² pano, 126 tấm băng rôn, 160 tấm phướn, 104 câu khẩu hiệu, 1.460 cờ các loại, 127 cuộc xe loa cô động đường phố.

viện tỉnh: 3.022 lượt; mượn, đọc tài liệu tại các phòng phục vụ: 72 lượt), cấp 12 thẻ (Thẻ mượn và đọc 10 thẻ; thẻ thiếu nhi 02 thẻ). Trưng bày tài liệu tuyên truyền, giới thiệu và phổ biến sách pháp luật với 298 tài liệu và phục vụ sách chuyên đề trong tháng 221 tài liệu. Phát hành Thông tin tư liệu số 02/2020 “45 năm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước”.

Hoạt động thể dục thể thao: Thực hiện Chi thị của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19 các hoạt động thể dục, thể thao (thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao) trên địa bàn tỉnh trong tháng 5 ngừng hoạt động và không tham gia thi đấu để phòng, chống dịch. Tiếp tục tổ chức cho huấn luyện viên và vận động viên luyện tập tại nhà trong thời gian phòng, chống dịch bệnh Covid-19 nhằm duy trì nền tảng thể lực.

e) Thiệt hại do thiên tai:

Theo ngành chức năng báo cáo, tháng này từ ngày 16/04/2020 đến 20/5/2020, đã bắt đầu có một số trận mưa, trong đó cũng có trận mưa lớn kèm lốc xoáy cục bộ xảy ra tại huyện Tân Biên, và Tân Châu, làm hư hại, tốc mái hư hại 02 căn nhà ở ước tính ước tổng giá trị thiệt hại khoảng 12 triệu đồng.

f) Tình hình cháy, nổ; bảo vệ môi trường:

Trong tháng 05/2020 (từ ngày 16/04/2020 đến 15/05/2020), ngành chức năng không phát hiện vụ vi phạm môi trường nào xảy ra trên địa bàn.

Trong tháng xảy ra 02 vụ cháy: 01 vụ cháy bãi xe ô tô tư nhân thuộc ấp Ninh Hưng 1, xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu, và 01 vụ cháy trạm phát sóng của VNPT tại ấp Chánh, xã An Thạnh, huyện Bến Cầu. Không gây thiệt hại về người. Ước tổng giá trị thiệt hại về tài sản do cháy khoảng 1.600 triệu đồng. Nguyên nhân chủ yếu của các vụ cháy là chập điện; Trong tháng không xảy ra vụ nổ nào.

Tóm lại:

Tháng 5/2020, mặc dù việc giãn cách xã hội đã được gỡ bỏ, các hoạt động sản xuất kinh doanh đã trở lại hoạt động nhưng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn phòng chống dịch, nhìn chung tình hình sản xuất kinh doanh trong tháng trên địa bàn tỉnh đã có mặt tăng trưởng so với tháng trước, nhưng so với cùng kỳ một số lĩnh vực vẫn còn đạt thấp.

Sản xuất nông nghiệp, cây trồng vụ Đông Xuân đã cơ bản thu hoạch xong, diện tích một số cây (lúa, mỳ...) giảm hơn cùng kỳ, tiến độ gieo trồng vụ Hè Thu các cây trồng chính khá tốt, nhưng cũng có một số cây chậm hơn so cùng kỳ (đậu phộng, mía) chủ yếu do bất lợi về thời tiết và hiệu quả kinh tế kém; chỉ số sản xuất công nghiệp 05 tháng có tăng trưởng nhưng không cao; Doanh thu thương mại và dịch vụ đạt thấp so với cùng kỳ;

Thu ngân sách trên địa bàn đạt thấp so với dự toán nhưng so với cùng kỳ vẫn tăng nhẹ, chi ngân sách đạt khá cao nhất là chi cho đầu tư phát triển và chi cho các chương trình mục tiêu; hoạt động ngân hàng tiếp tục triển khai các gói hỗ

trợ khách hàng; Các hoạt động văn hóa, xã hội, tập trung vào việc tuyên truyền các ngày lễ lớn và hướng dẫn các biện pháp phòng, chống dịch, bảo đảm an toàn tại các cơ sở khi đi vào hoạt động trở lại; Triển khai gói hỗ trợ cho các đối tượng chính sách, các đối tượng gặp khó khăn trong những ngày giãn cách xã hội; An ninh quốc phòng được đảm bảo./.

Nơi nhận: (26b)

- Tổng cục Thống kê;
- (Vụ Thống kê Tổng hợp)
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- VP. Tỉnh Ủy;
- Sở KHĐT, Sở Công thương;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Tài Chính;
- Một số CTK các tỉnh;
- Chi cục TK các huyện/ TP;
- Lưu BLD (3b);
- Lưu VT; TH.

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Đình Bửu Quang

1. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng 5

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Thực hiện kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Diện tích gieo trồng vụ hè thu (Ha)	35.018	36.666	104,70
<i>Một số cây trồng chủ yếu</i>			
Lúa	26.136	27.477	105,13
Ngô	382	510	133,67
Thuốc lá			
Mì	3.003	3.065	102,08
Mía	292	219	74,92
Đậu phộng	255	238	93,27
Rau đậu hoa cây cảnh các loại	4.435	4.655	104,97
Diện tích thu hoạch vụ Đông Xuân (Ha)	68.498	66.743	97,44
<i>Một số cây trồng chủ yếu</i>			
Lúa	48.344	46.263	95,70
Ngô	2.682	2.609	97,30
Thuốc lá	949	839	88,42
Đậu phộng	3.566	3.105	87,07
Rau đậu hoa cây cảnh các loại	10.880	10.861	99,82
<i>Thu hoạch cây trồng vụ trước</i>			
Mì	3.969	3.871	97,53
Mía	14.669	10.505	71,61

2. Chỉ số sản xuất công nghiệp

	Đơn vị tính: %		
	Tháng 5/2020 so với tháng 4/2020	Tháng 05/2020 so với tháng 05/2019	5 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019
Toàn ngành công nghiệp	108,39	97,29	104,00
Phân theo ngành kinh tế			
B.Khai khoáng	115,20	98,05	86,93
Khai khoáng khác	115,20	98,05	86,93
C.Công nghiệp chế biến, chế tạo	108,97	94,66	101,22
10.Sản xuất chế biến thực phẩm	94,16	113,65	89,77
13.Dệt	99,45	101,99	117,08
14.Sản xuất trang phục	125,01	92,08	96,05
15.Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	132,38	75,29	88,66
17. Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	117,09	88,07	97,08
20.Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	111,50	92,16	95,34
22.Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	99,27	99,45	102,28
23.Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	104,96	101,13	100,21
32.Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	128,40	112,02	149,81
D.Sản xuất và phân phối điện	97,77	228,17	248,09
35.Sản xuất và phân phối điện	97,77	228,17	248,09
E.Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	106,85	99,02	99,17
36.Khai thác, xử lý và cung cấp nước	100,32	106,51	109,01
38.Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu	108,97	88,83	91,38

3. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 4/2020	Ước tính tháng 5/2020	Cộng dồn 5 tháng đầu năm	Tháng 5/2020 so với tháng 4/2020 (%)	5 Tháng đầu 2020 so với cùng kỳ năm 2019 (%)
Tên sản phẩm						
Bột mì	Tấn	86.861	80.579	455.899	92,77	87,80
Đường các loại	Tấn	26.111	26.300	136.356	100,72	96,01
Giày các loại	1000 đôi	4.457	5.686	29.125	127,57	91,34
Quần áo các loại	1000 cái	10.380	12.538	64.374	120,79	97,48
Võ, ruột xe các loại	1000 cái	5.685	5.786	29.648	101,78	101,44
Gạch các loại	1000 viên	54.887	57.660	281.272	105,05	97,36
Clanke Poolan	Tấn	48.290	42.480	250.881	87,97	116,68
Xi măng	Tấn	112.427	118.000	524.340	104,96	100,21
Điện thương phẩm	Triệu Kwh	417	391	1.878	93,85	117,02
Điện sản xuất	Triệu Kwh	97	97	515	100,40	640,42
Nước máy sản xuất	1000 M ³	966	969	4.680	100,31	108,71
Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại không thể tái chế	Triệu Đồng	5.320	5.400	28.009	101,50	97,10

4. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước

	Kế hoạch năm 2020 (Triệu đồng)	Thực hiện tháng 4/2020 (Triệu đồng)	Ước tháng 5/2020 (Triệu đồng)	Cộng dồn 5 tháng đầu năm 2020 (Triệu đồng)	5 Tháng so với kế hoạch năm 2020 (%)	5 Tháng đầu 2020 so với cùng kỳ năm 2019 (%)
Tổng số	4.622.445	210.076	237.972	970.091	20,99	107,45
1. Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh	3.374.290	172.169	196.427	799.455	23,69	107,65
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	1.065.390	40.010	41.754	186.446	17,50	113,64
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	277.900	17.542	18.743	77.728	27,97	121,80
Vốn nước ngoài (ODA)	192.000	6.987	10.878	25.143	13,10	105,91
Xố số kiến thiết	1.839.000	107.630	125.052	510.138	27,74	103,89
Vốn khác						
2. Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện	1.244.180	37.907	41.330	170.421	13,70	106,40
Vốn cân đối ngân sách huyện	654.210	24.761	26.440	112.200	17,15	105,18
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	589.970	13.146	14.890	58.221	9,87	108,85
Vốn khác						
3. Vốn ngân sách nhà nước cấp xã	3.975		215	215	5,41	
Vốn cân đối ngân sách xã	3.975		215	215	5,41	
Vốn huyện hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu						
Vốn khác						

5. Doanh thu bán lẻ hàng hoá

	Thực hiện tháng 04/2020 (Triệu đồng)	Ước tháng 5/2020 (Triệu đồng)	Cộng dồn 5 tháng đầu năm 2020 (Triệu đồng)	Tháng 5/2020 so với tháng 4/2020 (%)	5 Tháng đầu 2020 so với cùng kỳ năm 2019 (%)
Tổng số	4.135.950	5.054.355	24.415.700	122,21	98,45
Phân theo nhóm hàng					
Lương thực, thực phẩm	1.719.135	1.852.579	9.186.721	107,76	99,87
Hàng may mặc	172.972	306.406	1.316.983	177,14	96,59
Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình	249.125	329.447	1.659.823	132,24	98,74
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	30.903	51.855	236.149	167,80	95,66
Gỗ và vật liệu xây dựng	424.331	588.756	2.606.873	138,75	100,05
Ô tô các loại	11.695	21.160	92.635	180,93	80,54
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	175.077	230.453	1.137.713	131,63	93,06
Xăng, dầu các loại	509.074	637.692	3.130.812	125,27	99,22
Nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu)	99.314	107.549	533.026	108,29	95,92
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	596.870	712.431	3.509.067	119,36	100,38
Hàng hóa khác	85.915	119.562	574.650	139,16	86,22
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	61.540	96.466	431.247	156,75	87,25

6. Doanh thu dịch vụ, lưu trú ăn uống và du lịch lữ hành

	Thực hiện tháng 04/2020 (Triệu đồng)	Ước tháng 5/2020 (Triệu đồng)	Cộng dồn 5 tháng đầu năm 2020 (Triệu đồng)	Tháng 5/2020 so với tháng 4/2020 (%)	5 Tháng đầu 2020 so với cùng kỳ năm 2019 (%)
Tổng số	605.819	1.334.406	6.084.566	220,26	90,00
Phân theo ngành kinh tế					
Dịch vụ lưu trú	4.113	14.827	61.031	360,46	76,87
Dịch vụ ăn uống	364.144	735.569	3.310.762	202,00	82,82
Dịch vụ khác	237.562	584.011	2.712.772	245,84	90,73

7. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

	Chỉ số giá tháng 5 năm 2020 so với:				Đơn vị tính: % Chỉ số giá bq 5 tháng năm 2020 so với bq cùng kỳ năm 2019
	Kỳ gốc	Tháng 5	Tháng 12	Tháng 4	
	2014	năm 2019	năm trước	năm 2020	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	116,15	100,27	97,28	100,03	102,51
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	125,55	106,96	102,29	100,18	105,34
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	111,75	106,03	103,08	99,43	102,85
Thực phẩm	128,34	109,91	103,02	100,46	107,29
Ăn uống ngoài gia đình	127,82	101,38	100,30	100,00	102,62
Đồ uống và thuốc lá	120,55	105,37	99,33	100,18	105,50
May mặc, giày dép và mũ nón	117,61	102,34	100,34	100,23	102,19
Nhà ở và vật liệu xây dựng	129,18	101,50	99,84	101,95	103,32
Thiết bị và đồ dùng gia đình	109,38	102,14	100,37	100,02	101,94
Thuốc và dịch vụ y tế	197,27	102,38	100,20	100,00	102,37
Giao thông	76,55	73,70	76,58	97,51	89,59
Bưu chính viễn thông	96,96	100,01	100,01	100,00	99,73
Giáo dục	112,67	105,33	100,00	100,00	105,33
Văn hoá, giải trí và du lịch	108,73	99,42	94,53	100,19	101,60
Hàng hóa và dịch vụ khác	115,15	106,50	102,34	100,31	106,06
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	131,98	129,43	113,44	102,85	122,95
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	110,84	100,57	101,04	99,54	100,49

8. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

	Thực hiện tháng 04/2020 (Triệu đồng)	Ước tháng 5/2020 (Triệu đồng)	Cộng dồn 5 tháng đầu năm 2020 (Triệu đồng)	Tháng 5/2020 so với tháng 4/2020 (%)	5 Tháng đầu 2020 so với cùng kỳ năm 2019 (%)
Tổng số	148.868	199.164	1.046.295	133,79	90,28
Vận tải hành khách	23.196	49.746	294.696	214,46	87,07
Đường bộ	23.114	49.621	293.892	214,68	87,10
Đường sắt					
Đường thủy	82	125	805	151,70	79,39
Đường hàng không					
Vận tải hàng hóa	121.820	144.792	727.838	118,86	91,36
Đường bộ	121.757	144.711	727.304	118,85	91,37
Đường sắt					
Đường thủy	63	81	534	128,84	78,27
Đường hàng không					
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	3.852	4.626	23.761	120,12	99,54
Bốc xếp					
Kho bãi	3.852	4.626	23.761	120,12	99,54
Hoạt động khác					

9. Vận tải hành khách của địa phương

	Thực hiện tháng 4/2020	Ước tính tháng 5/2020	Cộng dồn 5 tháng đầu năm 2020	Tháng 5/2020 so với tháng 4/2020 (%)	5 Tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 (%)
Vận chuyển hành khách	551	1.129	6.354	204,90	84,36
(Nghìn hành khách)					
Đường bộ	538	1.110	6.220	206,32	84,63
Đường sắt					
Đường thủy	13	19	134	146,15	73,58
Đường hàng không					
Luân chuyển hành khách	43.190	95.229	486.408	220,49	86,57
(Nghìn HK.Km)					
Đường bộ	43.178	95.212	486.292	220,51	86,58
Đường sắt					
Đường thủy	12	17	116	141,67	77,46
Đường hàng không					

10. Vận tải hàng hóa của địa phương

	Thực hiện tháng 4/2020	Ước tính tháng 5/2020	Cộng dồn 5 tháng đầu năm 2020	Tháng 5/2020 so với tháng 4/2020 (%)	5 Tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 (%)
Vận chuyển hàng hóa (Nghìn tấn.km)	934	1.125	5.748	120,43	91,53
Đường bộ	930	1.119	5.709	120,37	91,56
Đường sắt					
Đường thủy	4	5,4	39	135,00	76,95
Đường hàng không					
Lưu chuyển hàng hóa (Nghìn tấn.km)	73.167	85.378	432.436	116,69	90,21
Đường bộ	72.898	85.031	430.102	116,64	90,30
Đường sắt					
Đường thủy	270	346	2.334	128,49	76,01
Đường hàng không					

11. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tháng 5

	Dự toán năm 2020	Ước tháng 5/2020 (Triệu đồng)	Cộng dồn 5 tháng 2020 (Triệu đồng)	Ước thực hiện 5 tháng đầu năm 2020 so với	
				Dự toán (%)	Cùng kỳ năm trước (%)
A TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)	10.000.000	510.000	4.514.913	45,15	101,22
I Thu nội địa	9.250.000	450.000	4.188.126	45,28	118,76
1 Thu từ Doanh nghiệp nhà nước	531.000	29.000	157.826	29,72	65,16
1.1 Thu từ DNNN trung ương	424.000	25.000	132.830	31,33	67,32
1.2 Thu từ DNNN địa phương	107.000	4.000	24.996	23,36	55,64
2 Thu từ DN có vốn ĐTNN	851.000	45.000	478.438	56,22	164,03
3 Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.850.000	71.200	665.998	36,00	93,49
4 Lệ phí trước bạ	440.000	20.000	126.497	28,75	81,67
5 Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	13.000	600	2.577	19,82	57,83
6 Thuế thu nhập cá nhân	900.000	60.000	419.210	46,58	120,47
7 Thuế bảo vệ môi trường	670.000	50.000	252.025	37,62	97,12
8 Thu phí, lệ phí	570.000	30.000	175.619	30,81	86,49
9 Thu tiền sử dụng đất	408.000	28.000	290.402	71,18	197,98
10 Thu tiền thuê đất	1.019.000	45.000	167.218	16,41	203,72
11 Thu tiền cấp quyền KTKS	30.000	3.000	10.382	34,61	44,80
12 Thu khác ngân sách	261.000	18.000	118.490	45,40	158,77
13 Các khoản thu tại xã	2.000	200	776	38,80	7,15
14 Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	5.000	-	307.449	6.148,98	-
15 Thu từ hoạt động sở xố kiến thiết	1.700.000	50.000	1.015.219	59,72	104,61
II Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	750.000	60.000	326.787	43,57	34,99

12. Chi ngân sách Nhà nước địa phương tháng 5

	Dự toán năm 2020	Ước tháng 5/2020 (Triệu đồng)	Cộng dồn 5 tháng 2020 (Triệu đồng)	Ước thực hiện 5 tháng đầu năm 2020 so với	
				Dự toán (%)	Cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG CHI (A+B)	11.123.500	829.626	4.139.068	37,21	125,24
A CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.175.308	758.576	3.501.233	34,41	124,14
I Chi đầu tư phát triển	3.293.520	255.460	1.504.830	45,69	144,82
1 Chi đầu tư XDCB	3.211.920	255.460	1.502.901	46,79	144,63
2 Chi đầu tư tạo lập Quỹ Phát triển đất	81.600		1.929	2,36	
II Chi thường xuyên	5.952.978	503.116	1.978.247	33,23	111,82
1 Chi sự nghiệp kinh tế	911.800	67.870	215.106	23,59	92,54
2 Sự nghiệp môi trường	144.490	11.940	32.162	22,26	157,30
3 Chi SN Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.372.831	197.740	786.183	33,13	107,35
4 Chi sự nghiệp Y tế	480.250	38.080	135.575	28,23	129,30
5 Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin	95.690	7.970	32.941	34,42	111,00
6 Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	45.360	3.780	9.399	20,72	102,99
7 Chi sự nghiệp thể dục thể thao	34.960	2.920	6.984	19,98	98,38
8 Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	37.750	3.150	6.725	17,82	133,96
9 Chi đảm bảo xã hội	308.760	41.900	203.290	65,84	134,37
10 Chi quản lý hành chính	1.116.839	91.816	386.466	34,60	109,42
11 Chi An ninh quốc phòng	347.320	28.950	140.950	40,58	125,88
12 Chi khác ngân sách	56.928	7.000	22.466	39,46	191,93
B CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ	948.192	71.050	637.835	67,27	131,62

13. Trật tự, an toàn xã hội

	Sơ bộ tháng 5/2020	Cộng dồn 5 tháng đầu năm 2020	Tháng 05/2020 so với tháng 05/2019 (tăng/giảm)	5 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ 2019 (tăng/giảm)
Tai nạn giao thông				
Số vụ tai nạn giao thông (Vụ)	12	46	2	-3
Đường bộ	12	46	2	-3
Đường sắt				
Đường thủy				
Số người chết (Người)	4	18	2	-1
Đường bộ	4	18	2	-1
Đường sắt				
Đường thủy				
Số người bị thương (Người)	8	35	-1	-13
Đường bộ	8	35	-1	-13
Đường sắt				
Đường thủy				
Cháy, nổ				
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	2	18	-1	2
Số người chết (Người)		1		1
Số người bị thương (Người)		1		-2
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng)	1.600	4.234	730	-27.181